TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HS-ST
Ngày 20 - 7 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.Lương Văn Đ, sinh năm 1994. Tên gọi khác: C; Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn K và bà Phạm Thị Đ; Bị cáo có 02 A em, bị cáo là con thứ hai. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 10/11/2017 đến nay.

2. Trần Hùng C, sinh năm 1989. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị M; Bị cáo có 02 A em, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án, tiền sự: chưa

Nhân thân:

Bản án số 22/2010/HSST ngày 27/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, thời hạn tính từ ngày bắt thi

hành án. Bị cáo đã thi hành xong phần thi hành án dân sự của Bản án ngày 28/02/2011.

Bản án số 34/2010/HHST ngày 30/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp T sản, tổng hợp với 24 tháng tù của Bản án số 22/2010/HSST ngày 27/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, buộc C phải chấp hành hình phạt chung là 36 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 19/3/2010. Bị cáo đã thi hành xong phần thi hành án dân sự của Bản án ngày 09/3/2011.

Bản án số 62/2013/HSST ngày 29/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt 18 thàng tù về tội Trộm cắp T sản, thời hạn tính từ ngày 21/5/2013. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/11/2014. Bị cáo đã thi hành xong phần thi hành án dân sự của Bản án ngày 30/12/2013.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2018 đến ngày 18/5/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 18/5/2018 đến nay.

3. Nguyễn Văn B, sinh năm 1980. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Đ; Bị cáo có 06 chị em, bị cáo là con thứ sáu. Tiền sự: chưa; Tiền án: 01

Bản án số 361/HSPT ngày 26/3/2004 của Tòa phúc thẩm TAND Tối cao xử phạt 16 năm tù về tội Hiếp dâm trẻ em. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/10/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 30/10/2017 đến nay.

4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo có 03 A em, bị cáo là con thứ hai. Tiền án, tiền sự: chưa.

Nhân thân: Bản án số 29/HSPT ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích,12 tháng tù về tội Hủy hoại T sản. Tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 48 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2015, chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 23/7/2012.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 10/11/2017 đến nay.

Đều có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn V, sinh 1950

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. A Đỗ Văn T, sinh năm 1994

2. A Nguyễn Văn Đ, sinh 1993

Đều có địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. A Nguyễn Văn H, sinh 1997

Địa chỉ: thôn X, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

4. Chị Hà Kiều A, sinh 1998

Địa chỉ: thôn M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30, ngày 04/10/2017, Nguyễn Văn B, Lương Văn Đ (tên gọi khác: C), Trần Hùng C, A Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K, Hà Kiều A, Nguyễn Văn H ngồi chơi tại nhà B. B và mọi người nói chuyện về việc Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89 H1 – 050.09 của A H vào khoảng 05 giờ 10 phút ngày 04/10/2017, tại khu vực bến đò thuộc thôn Lộ Xá, xã Thăng Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Do nghi ngờ A Đỗ Văn Tùng có tham gia cùng T, nên Đ gọi điện cho A Tùng và hẹn Tùng đến cây xăng thuộc xã An Phụ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương mục đích để tìm T lấy xe cho A H, A Tùng đồng ý.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, A Tùng rủ A Nguyễn Văn Đức, đi cùng. A Đức điều khiển xe mô tô, loại xe Sirius (chưa xác định biển số, xe A Đức mượn của bạn tên là T) chở Tùng đi. Khi đến nơi gặp Đ, C và A H thì A Tùng và A Đức bị Đ và C yêu cầu phải đi theo về nhà B, rồi Đ điều khiển xe mô tô của Đức chở Tùng ngồi giữa, H ngồi sau, C điều khiển xe mô tô chở Đức về nhà B.

Tại nhà B, Tùng nói việc chiếm đoạt chiếc xe mô tô của A H là do một mình T thực hiện, Tùng không liên quan, lúc này H và K đi về. Sau đó, C và Đ đến nhà Tùng tìm nhưng không thấy T. Khoảng 01 giờ sau. C và Đ về nhà B, C và Đ chửi mắng Tùng và Đức. Lúc này có Nguyễn Văn T đến nhà B, T nghe mọi người nói lại sự việc. Do nghi ngờ Tùng gọi điện thoại đánh động để cho T bỏ chạy nên C, Đ, T dùng tay chân đánh A Tùng và A Đức. Lúc này, chị Nguyễn Thị Sáu (là chị gái của B) thấy ồn

ào lên đuổi hết mọi người ra ngoài, B do bực tức nên đã đánh Tùng và bảo chở Tùng, Đức ra ngôi nhà không có người ở, gần nhà B, ở chân đê thuộc thôn Phương Quất, xã Lạc Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, Biển số đăng ký 34D1 – 075.22 (xe T mượn của bố là ông Nguyễn Văn Vĩ) chở Đức, C điều khiển xe mô tô của A Đức chở Tùng đi ra nhà không có người ở thuộc thôn Phương Quất, còn B, Đ, chị Kiều A, A H đi bộ theo sau.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, tại địa điểm nêu trên, C và Đ tiếp tục bắt A Tùng phải nhận đã cùng T chiếm đoạt chiếc xe mô tô của H, A Tùng không thừa nhận thì bị Đ dùng dây thắt lưng da vụt vào người, còn C, B, T dùng tay chân đánh A Tùng và A Đức. Do bị đánh, nên Tùng phải thừa nhận cùng T chiếm đoạt chiếc xe mô tô của A H. Tiếp theo Đ đưa cho A Tùng chiếc điện thoại di động Nokia – 1280 của Đ yêu cầu A Tùng phải gọi điện thoại cho mẹ là bà Hoàng Thị Hiền đến nói chuyện giải quyết. A Tùng điện thoại nói chuyện với bà Hiền theo sự hướng dẫn của Đ và C việc A Tùng cùng T lấy chiếc xe mô tô của A H và bảo bà Hiền đến gặp để giải quyết không sẽ bị báo Công an. Tiếp đó, Đ đánh Đức và bắt Đức phải nói chỗ T cắm xe mô tô đồng thời yêu cầu Đức gọi về gia Đ cầm tiền sang giải quyết nhưng Đức không gọi. Khoảng 30 phút sau bà Hoàng Thị Hiền đến, C và Đ yêu cầu bà Hiền phải đưa 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đền chiếc xe mô tô của H, nhưng bà Hiền không đồng ý, C và Đ, B tiếp tục dùng tay, chân đánh A Tùng. Sau đó, Đ bảo B đi mua giấy, bút để cho Tùng viết, B mua 1 quyển vở ghi và 04 cây bút bi về đưa cho Đ. C bắt Tùng phải viết giấy thừa nhận là chiếm đoạt chiếc xe mô tô của A H, còn Đ bắt Đức viết giấy vì cho rằng Đức có biết chỗ T cắm xe mô tô nhưng Đức không viết giấy. Trong khi Tùng đang viết thì C và Đ nói B, T, chị Kiều A, A H và A Đức đi về nhà B. Sáu đó, do thấy A Tùng không viết nên Đ đã viết giấy nội dung Tùng vay nợ số tiền 50.000.000 đồng rồi bắt Tùng và bà Hiền ký vào giấy nhận nợ, nhưng bà Hiền không ký, nên Đ xé đi, rồi C và Đ tiếp tục đánh Tùng. Thấy A Tùng bị đánh, nên bà Hiền thỏa thuận với Đ và C sẽ đưa 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), Đ và C đồng ý. Do không mang đủ số tiền, nên bà Hiền đưa trước cho Đ 10.000.000 đồng còn lại 10.000.000 đồng hẹn đến chiều sẽ đưa, Đ nhận tiền rồi thả Tùng về. Sau đó C và Đ đi về nhà T, Đ đưa cho T 1.000.000 đồng một triệu đồng) nhưng T không lấy. Sau đó T, Đ, C đi đến nhà B. Đ và C rủ B đi chơi nhưng B không đi, Đ nhờ T trông coi Đức, T đồng ý và đưa Đức về nhà mình ở thôn Phương Quất, còn C và Đ cùng nhau đi chơi và tiêu sài cá nhân hết số tiền 10.000.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Đ gọi điện thoại cho bà Hiền hẹn ra bến đò thôn Quế Lĩnh, xã Thượng Quận, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương để đưa nốt số tiền 10.000.000 đồng, bà Hiền đồng ý. Đ gọi điện cho B bảo đi ra bến bến đò thôn Quế Lĩnh gặp bà Hiền lấy tiền đền xe là 10.000.000 đồng. B nhờ Kiều A chở đi (B không nói cho chị Kiều A biết là đi lấy tiền

của bà Hiền). Khi đi đến gần bến đò thôn Quế Lĩnh thì gặp Tùng đi cùng nhiều người đến nên B sợ hãi bảo Kiều A đi về nhà B rồi chị Kiều A cùng A H đi về. Đến buổi tối cùng ngày A Tùng đi cùng một số người đến nhà B để tìm Đức nhưng không thấy, nên đi sang nhà T tìm. Thấy Tùng có đông người nên T thả Đức về. Ngày 10/10/2017, bà Hiền làm đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Đ cùng đồng phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, C đã bỏ trốn, đến ngày 15/5/2018 bị phòng PC52 Công an tỉnh Hải Dương bắt theo Quyết định truy nã tại phường Nam Hải-thành phố Hải Dương, trong thời gian bỏ trốn, C không có hành vi vi phạm pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 10/10/2017 và ngày 15/01/2018 gia Đ C, Đ, B, T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong cho bà Hiền về dân sự. Bà Hiền đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Ngày 10/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Kinh Môn đã quản lý chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 34D1– 077.22. Đối với chiếc điện thoại di động của B sử dụng liên lạc với Đ để đi lấy tiền của bà Hoàng Thị Hiền, B đã làm mất; chiếc điện thoại di động Nokia – 1280 của Đ sử dụng liên lạc với bà Hiền, Đ đã bán cho 01 người không biết tên, địa chỉ được 200.000 đồng, Đ đã chi tiêu hết, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kinh Môn không thu hồi được.

Quá trình điều tra, Lương Văn Đ, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Trần Hùng C không thừa nhận có hành vi đánh, ép A Đỗ Văn Tùng gọi điện về nhà yêu cầu bà Hiền phải đưa tiền.

Tại cáo trạng số 41/CT-VKSKM ngày 30/5/2018, VKSND huyện Kinh Môn truy tố bị cáo Lương Văn Đ, Trần Hùng C, Nguyễn Văn T về tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt T sản theo điểm đ khoản 2 Điều 169 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn B về tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt T sản theo điểm đ, i khoản 2 Điều 169 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đ, C, B, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu.

Người bị hại: Về trách nhiệm hình sự: giữ nguyên quan điểm xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: đã nhận của gia Đ các bị cáo số tiền 20.000.000đ, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Vị đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về tội dA: Các bị cáo Lương Văn Đ, Trần Hùng C, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T phạm tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt T sản.

- Đối với bị cáo Lương Văn Đ: áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 169, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17,58 BLHS, đề nghị: Xử phạt từ 06 năm 06 tháng đến 06 năm 09 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 10/11/2017.

- Đối với bị cáo Trần Hùng C: áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 169, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17,58 BLHS, đề nghị: Xử phạt từ 06 năm 03 tháng đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 15/5/2018.

- Đối với Bị cáo Nguyễn Văn B: áp dụng điểm đ, i khoản 2 Điều 169, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17,58 BLHS, đề nghị: Xử phạt 06 năm 03 tháng đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 30/10/2017.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 169, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17,58 BLHS, đề nghị: Xử phạt từ 05 năm 09 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tính từ ngày 10/11/2017.

- Về hình phạt bổ sung: không đề nghị áp dụng

b) Biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Trả lại ông Nguyễn Văn Vĩ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, biển số 34D1-075.22. Truy thu của bị cáo Đ số tiền 200.000 đồng sung quỹ nhà nước.

c) Về án phí: áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sả dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trA luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lương Văn Đ, Trần Hùng C, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình. Căn cứ lời khai nhận của các bị cáo Đ, C, B, T hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và các T liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 04/10/2017, tại thôn Phương Quất, xã Lạc Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Lương Văn Đ, Trần Hùng C, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T có hành vi bắt, giữ các A Đỗ Văn Tùng và Nguyễn Văn Đức, yêu cầu thông báo cho người thân để chiếm đoạt của bà Hoàng Thị Hiền (là mẹ A Tùng) số tiền 20.000.000 đồng. Bản thân T đã bị kết án về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Do vậy, VKSND huyện Kinh Môn truy tố bị cáo Lương Văn Đ, Trần Hùng C, Nguyễn Văn T về tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt T sản theo điểm đ khoản 2 Điều 169 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Văn B về tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt T sản theo điểm đ, i khoản 2 Điều 169 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại tới quan hệ nhân thân và sở hữu về T sản của công dân được pháp luật bảo hộ, gây tâm lý lo lắng, làm ảnh hưởng xấu tới việc quản lý trị an tại địa phương. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo đều phải được xử lý nghiêm mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án thì thấy: các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, đều có hành vi bắt giữ người trái phép dùng vũ lực gây uy hiếp về mặt tinh thần, sức khỏe của con tin nhằm chiếm đoạt T sản. Trong vụ án Lương Văn Đ và Trần Hùng C là người khởi xướng, trực tiếp tham gia bắt cóc, đánh các A Tùng, A Đức để buộc bà Hiền phải đưa tiền nên giữ vai trò chính. Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T là đồng phạm với vai trò giúp sức. Do vậy, các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm tương xứng về hành vi và hậu quả của các bị cáo gây ra mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Song cũng nên xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đ, C, T, B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đều cùng tác động tới gia Đ các bị cáo để tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại. Quá trình điều tra và quá trìnhđưa vụ án ra xét xử, bà Hiền – người bị hại giữ nguyên quan điểm đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, cần xem xét áp dụng cho các bị cáo Đ,C, T, B được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "người phạm tội bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả", "bị hại xin" được quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: không. Đối với B đã áp dụng tình tiết định khung "tái phạm nguy hiểm" nên không áp dụng làm tình tiết tăng nặng đối với B theo hướng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số 01 ngày 12/5/2006 của HĐTPTANDTC là phù hợp.Tuy nhiên với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo nên cho dù có xem xét, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo đến đâu, cũng cần phải buộc các bị cáo cách ly xã hội trong thời gian nhất định mới đủ đảm bảo tính giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

Trong vụ án này đối với việc các A Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn H và chị Hà Kiều A có mặt tại nơi đã xảy ra vụ án nhưng không tham gia và không biết mục đích chiếm đoạt tiền của Đ cùng đồng phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn không xử lý.

Đối với hành vi của Đ, C, B, T đánh A Tùng và A Đức nhưng không gây thương tích, A Tùng và A Đức không yêu cầu giải quyết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Kinh Môn không xử lý.

Đối với Nguyễn Văn T có hành vi chiếm đoạt của A Nguyễn Văn H 01 chiếc xe mô tô biển số 89H1- 050.09, đã bị Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử về tội Công nhiên chiếm đoạt T sản tại Bản án số 10/2018/HSST ngày 07/02/2018.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia Đ bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại. Bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 34D1– 077.22 (là của chị Nguyễn Thị Huệ ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Vĩ quản lý, sử dụng trong thời gian chị vắng mặt), ông Vĩ không biết T sử dụng chiếc xe để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tuyên trả cho ông Vĩ là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động của B sử dụng liên lạc với Đ để đi lấy tiền của bà Hoàng Thị Hiền, B đã làm mất không thu hồi được, nên không đặt ra việc giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia – 1280 của Đ sử dụng liên lạc với bà Hiền, Đ đã bán cho 01 người không biết tên, địa chỉ được 200.000 đồng, Đ đã chi tiêu hết, nên cần truy thu sung quỹ nhà nước là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 169; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17,58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lương Văn Đ, Trần Hùng C, Nguyễn Văn T.

Căn cứ điểm đ,i khoản 2 Điều 169; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn B.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội dA: Tuyên bố các bị cáo Lương Văn Đ, Trần Hùng C, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T phạm tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt T sản".

Về hình phạt:

Xử phạt :

- Bị cáo Lương Văn Đ 06 năm 03 tháng tù, thời hạn được tính kể từ ngày bắt tạm giam 10/11/2017.

- Bị cáo Trần Hùng C 05 năm 09 tháng tù, thời hạn được tính kể từ ngày bắt tạm giữ 15/5/2018.

- Bị cáo Nguyễn Văn B 05 năm 08 tháng tù, thời hạn được tính kể từ ngày bắt tạm giam 30/10/2017.

- Bị cáo Nguyễn Văn T 05 năm 06 tháng tù, thời hạn được tính kể từ ngày bắt tạm giam 10/11/2017.

Về biện pháp tư pháp:

- Tuyên trả cho ông Nguyễn Văn Vĩ 01 mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 34D1– 077.22 *(Có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/6/2018 tại Chi cục thi hành dân sự huyện Kinh Môn).*

- Tuyên truy thu của Lương Văn Đ 200.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo Lương Văn Đ, Trần Hùng C, Nguyễn Văn B, Trần Hùng C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: □n xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vắng mặt bị hại. Tòa án báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Kim Chi - CA tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Công an huyện Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền